

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TÀI SẢN SỐ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

● NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
E-mail: nguyenthingoclinh.huha@gmail.com

TÓM TẮT:

Sự phát triển của kinh tế số làm gia tăng vai trò của tài sản số, đặt ra yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý tại Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định thống nhất về khái niệm, chế độ pháp lý và cơ chế bảo vệ quyền đối với tài sản số, dẫn đến nhiều khoảng trống và rủi ro trong thực tiễn. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng pháp luật, chỉ ra các hạn chế chủ yếu và đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp lý theo hướng đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số và hội nhập quốc tế.

Từ khóa: tài sản số, kinh tế số, khung pháp lý, pháp luật Việt Nam, chuyển đổi số.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh của kinh tế số tại Việt Nam, gắn với chuyển đổi số quốc gia, đang làm thay đổi căn bản cách thức tạo lập, lưu thông và khai thác giá trị. Các lĩnh vực như thương mại điện tử, fintech, công nghệ chuỗi khối và nền tảng số không chỉ thúc đẩy tăng trưởng mà còn hình thành các loại tài sản mới dưới dạng số. Theo định hướng của Đảng và Nhà nước, kinh tế số là một động lực tăng trưởng quan trọng trong giai đoạn tới. Trong bối cảnh đó, tài sản số bao gồm tiền mã hóa, token, dữ liệu, tài khoản số và các quyền tài sản được số hóa ngày càng giữ vai trò đáng kể trong cấu trúc của nền kinh tế hiện đại.

Tuy nhiên, sự phát triển này đang vượt ra ngoài khuôn khổ pháp lý hiện hành. Pháp luật Việt Nam chưa định danh rõ ràng tài sản số như một đối tượng pháp lý độc lập, cũng như chưa thiết lập đầy đủ chế độ pháp lý tương ứng. Mặc dù Bộ luật Dân sự 2015 tạo nền tảng chung về tài sản và quyền tài sản, nhưng các quy định này chưa bao quát đặc thù của tài sản số. Hệ quả là phát sinh khoảng trống trong xác lập quyền,

giao dịch, bảo vệ quyền và quản lý nhà nước, kéo theo rủi ro như tranh chấp, gian lận và khó khăn trong thực thi pháp luật.

Từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu tài sản số dưới góc độ pháp lý là cần thiết nhằm làm rõ địa vị pháp lý và định hướng hoàn thiện thể chế. Bài viết tập trung vào 3 nội dung: (i) xác định cách tiếp cận và định vị tài sản số trong hệ thống pháp luật; (ii) phân tích các bất cập của khung pháp lý hiện hành theo các trục quyền, giao dịch, bảo vệ và quản lý; và (iii) đề xuất giải pháp hoàn thiện theo hướng đồng bộ, khả thi.

Việc làm rõ các vấn đề này không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế số, bảo đảm quyền tài sản và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

2. Cơ sở lý luận về tài sản số và khung pháp lý điều chỉnh

2.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản số

Trong bối cảnh kinh tế số, tài sản số có thể được tiếp cận theo 2 hướng chính. Theo nghĩa rộng, đây là

các quyền tài sản tồn tại hoặc được thể hiện dưới dạng dữ liệu số; theo nghĩa hẹp, là các tài sản được tạo lập và vận hành trên nền tảng công nghệ, đặc biệt là công nghệ chuỗi khối như tiền mã hóa, token. Trong phạm vi bài viết, tài sản số được hiểu như một dạng quyền tài sản phi vật chất gắn với quyền kiểm soát và khai thác lợi ích kinh tế từ dữ liệu hoặc mã hóa.

Tài sản số có một số đặc điểm pháp lý cơ bản: (i) phi vật chất, tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử, làm phức tạp việc xác lập và chứng minh quyền; (ii) khả năng sao chép và lan truyền nhanh, gây khó khăn trong kiểm soát và xác định chủ thể quyền; (iii) gắn với quyền truy cập và kiểm soát kỹ thuật, nên việc mất quyền truy cập có thể đồng nghĩa với mất quyền kiểm soát trên thực tế.

Trên cơ sở đó, có thể phân chia tài sản số thành ba nhóm chính: (i) tài sản số tài chính (tiền mã hóa, token); (ii) tài sản số phi tài chính (dữ liệu, tài khoản số, tài sản ảo); và (iii) tài sản trí tuệ được số hóa. Việc nhận diện đúng đặc điểm và phân loại này là cơ sở để xác định chế độ pháp lý phù hợp.

2.2. Khung pháp lý về tài sản số

Khung pháp lý về tài sản số được hiểu là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền đối với tài sản số, đồng thời thiết lập cơ chế quản lý nhà nước đối với các giao dịch liên quan. Do tính chất đặc thù, khung pháp lý này mang tính liên ngành, kết hợp giữa pháp luật dân sự, thương mại, công nghệ, tài chính và hình sự.

Về cấu trúc, khung pháp lý cần bao quát 4 nội dung cốt lõi: (i) Xác lập quyền đối với tài sản số, bao gồm định danh pháp lý, căn cứ phát sinh và phạm vi quyền; (ii) Giao dịch và chuyển nhượng, với các quy định về điều kiện hiệu lực, xác thực chủ thể và ghi nhận giao dịch trong môi trường số; (iii) Bảo vệ quyền và giải quyết tranh chấp, đặc biệt liên quan đến chứng cứ điện tử và thẩm quyền giải quyết trong bối cảnh xuyên biên giới; (iv) Quản lý nhà nước, bao gồm thuế, phòng chống rửa tiền và giám sát rủi ro thị trường.

Trong bối cảnh tài sản số phát triển nhanh và tiềm ẩn rủi ro cao, yêu cầu đặt ra là xây dựng khung pháp lý vừa bảo đảm an toàn, minh bạch, vừa tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo.

2.3. Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy 3 cách tiếp cận tiêu biểu trong điều chỉnh tài sản số. Thứ nhất, cách tiếp

cận hợp pháp hóa và điều chỉnh toàn diện như tại Liên minh châu Âu (EU), với việc thiết lập khung pháp lý thống nhất cho thị trường tài sản mã hóa nhằm bảo vệ nhà đầu tư và bảo đảm minh bạch. Thứ hai, cách tiếp cận điều tiết theo chức năng dịch vụ như Singapore, tập trung kiểm soát các hoạt động trung gian và rủi ro tài chính, đồng thời duy trì môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Thứ ba, cách tiếp cận kiểm soát chặt các lĩnh vực rủi ro cao như Trung Quốc, kết hợp hạn chế tiền mã hóa với thúc đẩy các ứng dụng số phù hợp với chiến lược quốc gia.

Qua các mô hình này, có thể rút ra một số hàm ý chính cho Việt Nam: Một là, cần định danh pháp lý rõ ràng đối với tài sản số; Hai là, cần phân loại tài sản số để áp dụng cơ chế quản lý phù hợp với mức độ rủi ro; và Ba là, cần bảo đảm cân bằng giữa quản lý và đổi mới sáng tạo. Việc lựa chọn mô hình điều chỉnh cần đặt trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, hướng tới xây dựng một khung pháp lý linh hoạt, hiệu quả và thích ứng với sự phát triển nhanh của kinh tế số.

Từ các phân tích trên, có thể xác định 4 phương diện cốt lõi của khung pháp lý về tài sản số gồm: (i) định danh và xác lập quyền; (ii) giao dịch và chuyển nhượng; (iii) bảo vệ quyền và giải quyết tranh chấp; và (iv) quản lý nhà nước. Đây cũng là các tiêu chí nền tảng để đánh giá mức độ đầy đủ và hiệu quả của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở đó, phần tiếp theo của bài viết sẽ phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về tài sản số theo các phương diện nêu trên, qua đó làm rõ những khoảng trống và bất cập trong bối cảnh phát triển kinh tế số hiện nay.

3. Thực trạng khung pháp lý về tài sản số ở Việt Nam

3.1. Quy định pháp luật hiện hành có liên quan

Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa thừa nhận rõ ràng tài sản số như một loại tài sản độc lập, mà mới điều chỉnh gián tiếp thông qua các quy định phân tán. Điều này phản ánh khoảng cách giữa pháp luật và thực tiễn phát triển của kinh tế số, đồng thời tạo ra khoảng trống pháp lý trong việc xác định địa vị pháp lý của tài sản số.

Trên nền tảng chung, Bộ luật Dân sự 2015 cho phép tiếp cận tài sản số dưới dạng “quyền tài sản” theo quy định về tài sản tại Điều 105. Tuy nhiên, do các quy định này được xây dựng trên cơ sở tài sản

truyền thống và mang tính khái quát cao, tài sản số chưa được định danh rõ ràng về mặt pháp lý. Hệ quả là các vấn đề cốt lõi như căn cứ xác lập quyền, chuyển giao và bảo vệ quyền đối với tài sản số thiếu cơ sở áp dụng thống nhất khi phát sinh tranh chấp.

Đối với các đạo luật điều chỉnh môi trường số như Luật Giao dịch điện tử 2023 và Luật Công nghệ thông tin 2006, pháp luật chủ yếu công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu và giao dịch điện tử, nhưng không điều chỉnh trực tiếp tài sản số với tư cách đối tượng của quyền tài sản. Cách tiếp cận này dẫn đến một nghịch lý: giao dịch số được thừa nhận về hình thức, nhưng đối tượng giao dịch trong nhiều trường hợp lại chưa được xác định rõ về mặt pháp lý, làm gia tăng rủi ro về hiệu lực và khả năng thực thi.

Trong các lĩnh vực chuyên ngành, tài sản số bước đầu được tiếp cận nhưng chủ yếu theo hướng kiểm soát rủi ro. Cụ thể, trong lĩnh vực ngân hàng, tiền mã hóa không được công nhận là phương tiện thanh toán hợp pháp; trong lĩnh vực chứng khoán, các loại token chưa được thừa nhận là chứng khoán; và trong lĩnh vực thuế, việc xác định nghĩa vụ thuế đối với giao dịch tài sản số còn thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng. Điều này cho thấy pháp luật chuyên ngành hiện nay thiên về phản ứng chính sách nhằm hạn chế rủi ro hơn là thiết lập một khuôn khổ điều chỉnh đầy đủ, dẫn đến sự thiếu nhất quán trong áp dụng.

Nhìn tổng thể, khung pháp lý về tài sản số tại Việt Nam vẫn ở giai đoạn sơ khai, với đặc trưng là phân tán, thiếu thống nhất và chưa theo kịp thực tiễn. Pháp luật hiện hành mới dừng ở việc tạo lập nền tảng cho giao dịch số, nhưng chưa xây dựng được hệ thống quy phạm điều chỉnh tài sản số như một đối tượng pháp lý độc lập, qua đó làm gia tăng rủi ro pháp lý và hạn chế hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

3.2. Những khoảng trống và bất cập

Về xác lập quyền: Pháp luật Việt Nam chưa định danh rõ ràng tài sản số như một đối tượng của quyền tài sản, dẫn đến cách hiểu không thống nhất về địa vị pháp lý của loại tài sản này. Việc suy luận tài sản số thuộc “quyền tài sản” trong Bộ luật Dân sự chỉ mang tính gián tiếp và thiếu chuẩn tắc. Hệ quả là các vấn đề cốt lõi như căn cứ xác lập quyền, phạm vi quyền, cũng như xử lý trong các quan hệ dân sự (chuyển giao, thừa kế, bảo đảm) đều thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, làm gia tăng rủi ro khi áp dụng.

Về giao dịch và chuyển nhượng: Khung pháp lý hiện hành thừa nhận giao dịch điện tử nhưng chưa làm rõ đối tượng giao dịch là tài sản số, dẫn đến khoảng trống trong điều kiện hiệu lực và cơ chế xác thực. Đặc thù phi vật chất và xuyên biên giới của tài sản số chưa được phản ánh trong các quy định về hợp đồng và chuyển giao quyền. Hệ quả là tính pháp lý và khả năng thực thi của giao dịch bị suy giảm, đặc biệt trong các trường hợp tranh chấp hoặc vi phạm.

Về bảo vệ quyền và giải quyết tranh chấp: Pháp luật thiếu cơ chế hiệu quả để bảo vệ quyền đối với tài sản số, nhất là trong bối cảnh tranh chấp ngày càng phức tạp. Các quy định về thẩm quyền, pháp luật áp dụng và chứng cứ điện tử chưa theo kịp đặc thù của môi trường số. Hệ quả là việc giải quyết tranh chấp gặp nhiều trở ngại, hiệu quả bảo vệ quyền bị hạn chế và niềm tin vào hệ thống pháp lý bị suy giảm.

Về quản lý nhà nước: Cách tiếp cận hiện nay thiên về kiểm soát rủi ro nhưng thiếu một chiến lược pháp lý tổng thể đối với tài sản số. Các quy định về thuế, phòng chống rửa tiền và giám sát giao dịch còn phân tán, chưa bao quát đầy đủ các loại tài sản số. Hệ quả là rủi ro pháp lý và tội phạm công nghệ cao gia tăng, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ thất thu ngân sách và mất an toàn thị trường.

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Các bất cập nêu trên bắt nguồn từ cả yếu tố khách quan và chủ quan, thể hiện rõ qua 4 phương diện tương ứng với các “điểm nghẽn” của khung pháp lý.

(i) Độ trễ thể chế so với công nghệ: Sự phát triển nhanh của blockchain, dữ liệu lớn và các nền tảng số vượt xa tốc độ xây dựng pháp luật, khiến hệ thống quy phạm chưa kịp định danh và điều chỉnh tài sản số. Hệ quả là khoảng trống trong xác lập quyền và nhận diện đối tượng pháp lý (liên hệ bất cập về “quyền”).

(ii) Cách tiếp cận quản lý thiên về kiểm soát: Trước rủi ro tài chính và an ninh mạng, cơ quan quản lý có xu hướng ưu tiên hạn chế thay vì thiết kế khung pháp lý chủ động. Điều này giúp kiểm soát rủi ro ngắn hạn nhưng lại làm chậm việc hoàn thiện quy định về giao dịch và thị trường tài sản số (liên hệ bất cập về “giao dịch”).

Việc thiếu nghiên cứu hệ thống về bản chất và chế độ pháp lý của tài sản số dẫn đến lúng túng trong định danh, phân loại và xây dựng quy phạm. Hệ quả là cơ chế bảo vệ quyền (iii) Hạn chế về nền tảng lý luận và

thiết kế chính sách; và giải quyết tranh chấp chưa theo kịp thực tiễn (liên hệ bất cập về “bảo vệ”).

(iv) Phân tán trong quản lý nhà nước: Tài sản số mang tính liên ngành nhưng thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý, dẫn đến chính sách rời rạc và thiếu nhất quán. Hệ quả là giám sát, thu thuế và kiểm soát rủi ro còn hạn chế (liên hệ bất cập về “quản lý”).

4. Định hướng và giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về tài sản số

4.1. Định hướng hoàn thiện

Hoàn thiện khung pháp lý về tài sản số cần đặt trong chiến lược phát triển kinh tế số, coi đây là điều kiện thể chế để thúc đẩy đổi mới sáng tạo đồng thời kiểm soát rủi ro thị trường. Trọng tâm là chuyển từ cách tiếp cận “phản ứng” sang chủ động thiết kế khung pháp lý.

Bên cạnh đó, cần cân bằng giữa kiểm soát và phát triển theo hướng quản lý dựa trên rủi ro (risk-based approach), thay vì cấm đoán hoặc buông lỏng, nhằm vừa bảo đảm an toàn hệ thống vừa duy trì động lực thị trường.

Đồng thời, pháp luật về tài sản số cần tiệm cận chuẩn mực quốc tế có chọn lọc, bảo đảm tính tương thích với thông lệ toàn cầu nhưng phù hợp với năng lực quản lý và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

4.2. Giải pháp cụ thể

(1) Khắc phục độ trễ thể chế → Định danh pháp lý rõ ràng (quyền): Cần sớm thiết lập khái niệm pháp lý chính thức về tài sản số, ưu tiên ghi nhận như một dạng “quyền tài sản” trong Bộ luật Dân sự hoặc văn bản chuyên ngành. Đồng thời, làm rõ căn cứ xác lập, phạm vi và nội dung quyền theo hướng gắn với quyền kiểm soát tài sản số, tạo nền tảng thống nhất cho áp dụng pháp luật.

(2) Chuyển từ kiểm soát thụ động → Hoàn thiện pháp luật về giao dịch (giao dịch): Cần xây dựng chế độ pháp lý cho giao dịch tài sản số, bao gồm điều kiện hiệu lực, cơ chế xác thực và ghi nhận giao dịch. Đồng thời, thừa nhận khả năng chuyển nhượng, thừa kế và

sử dụng tài sản số làm tài sản bảo đảm, qua đó nâng cao tính pháp lý và khả năng thực thi của giao dịch.

(3) Nâng cao nền tảng lý luận → Hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền (bảo vệ): Cần bổ sung quy định về chứng cứ điện tử và thẩm quyền giải quyết tranh chấp, đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử 2023. Đồng thời, phát triển các cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) và tăng cường bảo vệ người tiêu dùng, nhằm nâng cao hiệu quả thực thi và củng cố niềm tin pháp lý.

(4) Khắc phục phân tán quản lý → Thiết lập cơ chế quản lý thống nhất (quản lý): Cần xây dựng khung quản lý nhà nước thống nhất đối với tài sản số, bao gồm đăng ký, công bố thông tin và giám sát các chủ thể cung cấp dịch vụ. Đồng thời, hoàn thiện quy định về thuế và tăng cường phòng, chống rửa tiền theo cách tiếp cận dựa trên rủi ro, qua đó giảm thiểu rủi ro hệ thống và thất thu ngân sách.

(5) Lộ trình thực hiện → Thí điểm và luật hóa: Trong ngắn hạn, triển khai cơ chế sandbox đối với các mô hình tài sản số để kiểm nghiệm chính sách. Về dài hạn, nghiên cứu ban hành luật chuyên ngành về tài sản số, bảo đảm tính thống nhất, ổn định và khả năng thích ứng với công nghệ.

5. Kết luận

Sự phát triển của kinh tế số làm nổi lên tài sản số như một đối tượng pháp lý mới, nhưng khung pháp lý Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế như thiếu định danh rõ ràng, quy định giao dịch chưa đầy đủ, cơ chế bảo vệ quyền còn yếu và quản lý chưa thống nhất. Những bất cập này làm gia tăng rủi ro và cản trở sự phát triển của thị trường. Do đó, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng tiếp cận hệ thống, trước hết xác định tài sản số như một dạng quyền tài sản, đồng thời xây dựng quy định về giao dịch, tăng cường bảo vệ quyền và thiết lập cơ chế quản lý dựa trên rủi ro. Việc áp dụng mô hình sandbox và tiệm cận chuẩn mực quốc tế sẽ góp phần cân bằng giữa kiểm soát và đổi mới sáng tạo, qua đó tạo nền tảng pháp lý minh bạch, thúc đẩy phát triển kinh tế số bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Chính trị (2019), Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), Cảnh báo về rủi ro liên quan đến tiền ảo, tiền mã hóa.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), Đề án cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD) (2020), Taxing Virtual Currencies: An Overview of Tax Treatments and Emerging Tax Policy Issues.

Financial Action Task Force (FATF) (2019), Guidance for a Risk-Based Approach to Virtual Assets and Virtual Asset Service Providers.

World Intellectual Property Organization (WIPO) (2021), Intellectual Property and Digital Economy.

United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL) (2017), Model Law on Electronic Transferable Records.

European Union (2023), Regulation on Markets in Crypto-assets (MiCA).

Monetary Authority of Singapore (2019), Payment Services Act.

People's Bank of China (2021), Notice on Further Preventing and Disposing of the Risk of Virtual Currency Trading and Speculation.

Ngày nhận bài: 10/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/4/2026

IMPROVING VIETNAM'S LEGAL FRAMEWORK FOR DIGITAL ASSETS IN THE CONTEXT OF DIGITAL ECONOMY DEVELOPMENT

● NGUYEN THI NGOC LINH

Ho Chi Minh National Academy of Politics

ABSTRACT:

The rapid expansion of the digital economy has significantly enhanced the importance of digital assets, creating an urgent need to develop a comprehensive legal framework in Vietnam. However, the current legal system lacks a unified approach to defining digital assets, determining their legal status, and establishing effective mechanisms for the protection and enforcement of ownership and related rights. These regulatory gaps have generated considerable legal uncertainty and practical risks for individuals, businesses, and regulatory authorities. This study examines the theoretical foundations of digital asset regulation, assesses the current state of Vietnamese law, and identifies the principal shortcomings in the existing legal framework. By clarifying these issues, the study contributes to the broader discourse on building a coherent and adaptive legal regime for digital assets that is aligned with the requirements of digital economic development and international integration.

Keywords: digital assets, digital economy, legal framework, Vietnamese law, digital transformation.